

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp), số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thông qua Nghị quyết số 28/NQ-HĐND về việc giao biên chế công chức trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020. Theo đó, Hội đồng nhân dân tỉnh giao tổng biên chế công chức năm 2020 là 1.489 biên chế (bằng với số Bộ Nội vụ giao năm 2020).

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thông qua Nghị quyết số 37/NQ-HĐND về việc giao biên chế sự nghiệp, số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020. Theo đó, Hội đồng nhân dân tỉnh giao tổng biên chế sự nghiệp năm 2020 là 14.399 biên chế, số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan hành chính nhà nước là 133 người và trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 741 người.

Ngày 03 tháng 10 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1499/QĐ-TTg về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2021.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, Bộ Nội vụ có Quyết định số 743/QĐ-BNV về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hậu Giang năm 2021. Theo đó, biên chế công chức năm 2021 của tỉnh Hậu Giang là 1.466 biên chế, giảm 23 biên chế so với năm 2020.

Ngày 05 tháng 08 năm 2020, Bộ Nội vụ có Công văn số 4208/BNV-TCBC về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Hậu Giang năm 2021. Theo đó, Bộ Nội vụ thẩm định: tổng số người làm việc của tỉnh (trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) là **14.073** người (giảm **326** người so với số Bộ Nội vụ thẩm định năm 2020 là 14.399); số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong đơn vị sự nghiệp là **729** người (giảm **12** người so với số Bộ Nội vụ thẩm định năm 2020 là 741 người).

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Bộ Nội vụ có Công văn số 6412/BNV-TCBC về hợp đồng lao động trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hậu Giang năm 2020 và năm 2021. Theo đó, Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan hành chính của tỉnh Hậu Giang năm 2020 và năm 2021 là **132** người (giảm **01** người so với số Bộ Nội vụ thẩm định).

2. Số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh

Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đã giao số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020 là 98 người. Số lượng này sử dụng không thay đổi và tiếp tục thực hiện trong năm 2021.

Để có cơ sở cho UBND tỉnh giao biên chế công chức, số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp), hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh năm 2021; Đồng thời thực hiện việc tinh giản biên chế, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Đảng và của pháp luật. Vì vậy, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2021 là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

2. Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

3. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

6. Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

7. Quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2021.

8. Quyết định số 743/QĐ-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hậu Giang năm 2021;

9. Công văn số 6412/BNV-TCBC ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nội vụ về hợp đồng lao động trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hậu Giang năm 2020 và năm 2021;

10. Công văn số 4208/BNV-TCBC ngày 15 tháng 8 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Hậu Giang năm 2021.

III. NỘI DUNG

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nội dung Nghị quyết giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2021, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức năm 2021 là **1.466** biên chế (giảm 23 biên chế so với tổng số biên chế của tỉnh được Bộ Nội vụ giao năm 2020), cụ thể:

a) Biên chế giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh: 843 biên chế.

b) Biên chế giao UBND các huyện, thị xã, thành phố: 623 biên chế.

2. Tổng số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) năm 2021 là **14.073** người (giảm 326 người so với số Bộ Nội vụ thẩm định năm 2020), bao gồm:

a) Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 9.818 biên chế.

b) Sự nghiệp Y tế: 2.530 biên chế.

c) Sự nghiệp nghiên cứu khoa học: 20 biên chế.

d) Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 143 biên chế.

đ) Sự nghiệp khác khối sở, ban, ngành tỉnh: 1.112 biên chế.

e) Sự nghiệp khác khối UBND cấp huyện: 450 biên chế.

3. Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:

a) Trong các cơ quan, tổ chức hành chính: **132** người (giảm 01 người so với năm 2020).

b) Trong các đơn vị sự nghiệp công lập: **729** người (giảm 12 người so với năm 2020).

4. Số lượng người làm việc trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh: **98** người.

(Chi tiết theo các Phụ lục: 1, 2, 3, 4, 5 đính kèm)

Như vậy năm 2021, tổng biên chế công chức giao là 1.466 (giảm 23 biên chế), số lượng người làm việc là 14.073 (giảm 326 người), số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 729 người (giảm 12 người), trong cơ quan hành chính nhà nước là 132 người (giảm 01 người), số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh là 98 người. Số biên chế, số lượng người làm việc và số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2021 phù hợp với số lượng được Bộ Nội vụ giao, thẩm định.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./. **L**.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NCTH.YP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Trương Cảnh Tuyên

Phụ lục 1

GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 1954/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức tăng, giảm(-) năm 2021	Biên chế công chức giao năm 2021	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		1.489	-23	1.466	Giảm 23 biên chế so với số giao năm 2020
A	CẤP TỈNH	858	-15	843	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	27		27	
2	Văn phòng UBND tỉnh	61		61	Bổ trí biên chế công chức cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công
3	Sở Nội vụ	58	-2	56	Giảm 02 biên chế
4	Sở Tư pháp	26	1	27	Tăng 01 biên chế
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32	1	33	Tăng 01 biên chế
6	Sở Tài chính	56	-1	55	Giảm 01 biên chế
7	Sở Công Thương	38		38	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95	-2	93	Giảm 02 biên chế
9	Sở Giao thông vận tải	45		45	
10	Sở Xây dựng	39		39	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	61	-2	59	Giảm 02 biên chế
12	Sở Thông tin và Truyền thông	27	-1	26	Giảm 01 biên chế
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	52	-2	50	Giảm 02 biên chế
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	38	-2	36	Giảm 02 biên chế
15	Sở Khoa học và Công nghệ	25	-1	24	Giảm 01 biên chế
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	-1	47	Giảm 01 biên chế

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2020	Biên chế công chức tăng, giảm(-) năm 2021	Biên chế công chức giao năm 2021	Ghi chú
17	Sở Y tế	51	-1	50	Giảm 01 biên chế
18	Thanh tra tỉnh	27		27	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	25	-1	24	Giảm 01 biên chế
20	Ban Dân tộc	18	-1	17	Giảm 01 biên chế
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4		4	
22	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	5		5	
B	CẤP HUYỆN	631	-8	623	
1	Thành phố Vị Thanh	96	-2	94	Giảm 02 biên chế
2	Thành phố Ngã Bảy	82	-2	80	Giảm 02 biên chế
3	Thị xã Long Mỹ	60		60	
4	Huyện Long Mỹ	56	1	57	Tăng 01 biên chế
5	Huyện Vị Thù	81	-1	80	Giảm 01 biên chế
6	Huyện Phụng Hiệp	90	-2	88	Giảm 02 biên chế
7	Huyện Châu Thành	82		82	
8	Huyện Châu Thành A	84	-2	82	Giảm 02 biên chế

Phụ lục 2

GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP) NĂM 2021*(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 1954/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020**của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Cơ quan, đơn vị	Số người làm việc giao năm 2020	Số người làm việc tăng, giảm (-) năm 2021	Số người làm việc giao năm 2021	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B + C + D + Đ + E)		14.399	-326	14.073	Giảm 326 biên chế so với số giao năm 2020
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	9.943	-125	9.818	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.512	-46	1.466	Điều tiết 46 biên chế về Trường THCS Tân Hoà, huyện CTA (do chia tách Trường THPT Châu Thành A và thành lập Trường THCS Tân Hoà, thuộc huyện Châu Thành A)
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	125	-125	0	Điều tiết 125 biên chế về Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang (do sáp nhập 02 Trường Trung cấp vào Trường CĐCD Hậu Giang)
3	Trường THCS, Tiểu học, Mầm non cấp huyện	8.306	46	8.352	
3.1	Thành phố Vị Thanh	924		924	
3.2	Thành phố Ngã Bảy	663		663	
3.3	Thị xã Long Mỹ	903		903	
3.4	Huyện Long Mỹ	985		985	
3.5	Huyện Vị Thủy	1.062		1.062	
3.6	Huyện Phụng Hiệp	1.826		1.826	
3.7	Huyện Châu Thành	871		871	
3.8	Huyện Châu Thành A	1.072	46	1.118	Tiếp nhận 46 biên chế về Trường THCS Tân Hoà, huyện Châu Thành A (do chia tách Trường THPT CTA và thành lập Trường THCS Tân Hoà, thuộc huyện Châu Thành A)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số người làm việc giao năm 2020	Số người làm việc tăng, giảm (-) năm 2021	Số người làm việc giao năm 2021	Ghi chú
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	2.582	-52	2.530	
	Sở Y tế	2.582	-52	2.530	Giảm 52 biên chế (do đơn vị thực hiện tự chủ chi thường xuyên)
C	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	23	-3	20	
	Sở Khoa học và Công nghệ	23	-3	20	Giảm 03 biên chế
D	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	158	-15	143	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	158	-15	143	Giảm 15 biên chế
Đ	SỰ NGHIỆP KHÁC	1.682	-120	1.562	
I	Cấp tỉnh	1.181	-69	1.112	
1	Văn phòng UBND tỉnh	15	-11	4	Điều tiết 11 biên chế về Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh, thuộc Sở Thông tin và Truyền thông (theo Công văn số 2432/UBND-NC ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh)
2	Sở Nội vụ	22		22	
3	Sở Tư pháp	41	-4	37	Giảm 04 biên chế
4	Sở Tài chính	12	-1	11	Giảm 01 biên chế
5	Sở Công Thương	46	-4	42	Giảm 04 biên chế
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	458	-12	446	Giảm 12 biên chế hợp đồng công nhân vận hành cống thủy lợi
7	Sở Giao thông vận tải	25	-3	22	Giảm 03 biên chế
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	201	-11	190	Giảm 11 biên chế
9	Sở Thông tin và Truyền Thông	8	12	20	Nhận 12 biên chế (trong đó tiếp nhận 11 biên chế từ VP. UBND tỉnh và 01 biên chế từ nguồn đơn vị thực hiện tự chủ chi thường xuyên)
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	58	11	69	Bổ sung 11 biên chế cho Trung tâm Công tác xã hội (từ nguồn biên chế dự phòng năm 2020)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số người làm việc giao năm 2020	Số người làm việc tăng, giảm (-) năm 2021	Số người làm việc giao năm 2021	Ghi chú
11	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	26	-26	0	Giảm 26 biên chế (do Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp đã thực hiện tự chủ chi thường xuyên năm 2020)
12	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	102	-102	0	Giảm 102 biên chế. (Dự kiến đơn vị thực hiện tự chủ chi thường xuyên trước ngày 30/6/2021)
13	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	37	-3	34	Giảm 03 biên chế
14	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	20		20	
15	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	110	85	195	Tăng 85 biên chế (trong đó: nhận 125 biên chế từ Sở LĐTB&XH do nhập 02 Trường Trung cấp về Trường CĐCD; giảm 40 biên chế)
II	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	501	-51	450	
1	Thành phố Vị Thanh	52	-5	47	Giảm 05 biên chế sự nghiệp khác
2	Thành phố Ngã Bảy	77	-4	73	Giảm 04 biên chế sự nghiệp khác
3	Thị xã Long Mỹ	54	-3	51	Giảm 03 biên chế sự nghiệp khác
4	Huyện Long Mỹ	45	-2	43	Giảm 02 biên chế sự nghiệp khác
5	Huyện Vị Thủy	71	-9	62	Giảm 09 biên chế (số giao Ban QLDA ĐTXD huyện)
6	Huyện Phụng Hiệp	63	-14	49	Giảm 14 biên chế dự phòng chưa sử dụng
7	Huyện Châu Thành	79	-8	71	Giảm 08 biên chế dự phòng chưa sử dụng
8	Huyện Châu Thành A	60	-6	54	Giảm 06 biên chế sự nghiệp khác
E	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	11	-11	0	Giảm 11 biên chế (bổ sung 11 biên chế dự phòng cho Trung tâm Công tác xã hội, thuộc Sở LĐTB&XH)

Phụ lục 3
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 1954/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2020	Số tăng, giảm (-) năm 2021	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		133	-1	132	Giảm 01 người so với số giao năm 2020
A	CẤP TỈNH	101	-2	99	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	5		5	
2	Văn phòng UBND tỉnh	12		12	
3	Sở Nội vụ	6	-1	5	Điều tiết 01 người về UBND huyện Châu Thành
4	Sở Tư pháp	4		4	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4		4	
6	Sở Tài chính	4		4	
7	Sở Công Thương	4		4	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7		7	
9	Sở Giao thông vận tải	4	1	5	Bổ sung 01 người cho Thanh tra Giao thông vận tải
10	Sở Xây dựng	4		4	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	6		6	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	4		4	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5	-1	4	Giảm 01 người (chuyển từ Sở sang Trung tâm Công tác xã hội)
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4		4	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	4		4	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	-1	4	Giảm 01 người

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2020	Số tăng, giảm (-) năm 2021	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Ghi chú
17	Sở Y tế	5		5	
18	Thanh tra tỉnh	5		5	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	4		4	
20	Ban Dân tộc tỉnh	3		3	
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	1		1	
22	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh	1		1	
B	CẤP HUYỆN	32	1	33	
1	Thành phố Vị Thanh	4		4	
2	Thành phố Ngã Bảy	4		4	
3	Thị xã Long Mỹ	4		4	
4	Huyện Long Mỹ	4		4	
5	Huyện Vị Thủy	4		4	
6	Huyện Phụng Hiệp	4		4	
7	Huyện Châu Thành	4	1	5	Nhận 01 người từ Sở Nội vụ
8	Huyện Châu Thành A	4		4	

Phụ lục 4
GAO SỔ LƯỢNG NGƯỜI
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 1954/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2020	Số tăng, giảm (-) năm 2021	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A +B +C + D + E)		741	-12	729	Giảm 12 người so với số giao năm 2020
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	565	-13	552	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	87		87	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13	-13	0	Điều tiết 13 người về Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang (do sáp nhập 02 Trường Trung cấp vào Trường CĐCD Hậu Giang)
3	Trường THCS, Tiểu học, Mầm non cấp huyện	465	0	465	
3.1	Thành phố Vị Thanh	51		51	
3.2	Thành phố Ngã Bảy	54		54	
3.3	Thị xã Long Mỹ	50		50	
3.4	Huyện Long Mỹ	58		58	
3.5	Huyện Vị Thủy	44		44	
3.6	Huyện Phụng Hiệp	105		105	
3.7	Huyện Châu Thành	52		52	
3.8	Huyện Châu Thành A	51		51	
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	62	-2	60	
	Sở Y tế	62	-2	60	Giảm 02 người (do đơn vị thực hiện tự chủ chỉ thường xuyên)
C	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2	0	2	
	Sở Khoa học và Công nghệ	2		2	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2020	Số tăng, giảm (-) năm 2021	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Ghi chú
D	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	25	-3	22	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25	-3	22	Giảm 03 người
E	SỰ NGHIỆP KHÁC	87	6	93	
I	Cấp tỉnh	64	6	70	
1	Văn phòng UBND tỉnh	2		2	
2	Sở Nội vụ	2		2	
3	Sở Tư pháp	1		1	
4	Sở Tài chính	2	2	4	Bổ sung 02 người
5	Sở Công Thương	1		1	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	-1	2	Giảm 01 người
7	Sở Giao thông vận tải	2		2	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	4		4	
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13	1	14	Bổ sung 01 người cho Trung tâm công tác xã hội
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	5	-5	0	Giảm 05 người (do Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp đã thực hiện tự chủ chi thường xuyên năm 2020)
11	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2	-2	0	Giảm 02 người. Dự kiến đơn vị thực hiện tự chủ chi thường xuyên trước ngày 30/6/2021
12	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	8	-1	7	Giảm 01 người
13	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	1	2	3	Bổ sung 02 người (Theo Thông báo số 3908/TB-VP.UBND ngày 10/11/2020 của VP. UBND tỉnh)
14	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	18	10	28	Tăng 10 người (trong đó: nhận 13 người từ Sở LĐTB&XH do nhập 02 Trường Trung cấp về Trường CĐCD; giảm 03 người)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2020	Số tăng, giảm (-) năm 2021	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Ghi chú
II	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	23	0	23	
1	Thành phố Vị Thanh	2		2	
2	Thành phố Ngã Bảy	3		3	
3	Thị xã Long Mỹ	3		3	
4	Huyện Long Mỹ	3		3	
5	Huyện Vị Thủy	3		3	
6	Huyện Phụng Hiệp	3		3	
7	Huyện Châu Thành	3		3	
8	Huyện Châu Thành A	3		3	

Phụ lục 5
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 1954/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2020	Số tăng, giảm (-) năm 2021	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG SỐ		98	0	98	
1	Liên minh Hợp tác xã	26		26	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	13		13	
3	Hội Văn học - Nghệ thuật	9	-1	8	Điều tiết 01 người về Hội Nhà báo
4	Hội Chữ thập đỏ	17		17	
5	Hội Luật gia	4		4	
6	Hội Nhà báo	3	1	4	Bổ sung 01 người làm việc
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	3		3	
8	Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo	5		5	
9	Hội Khuyến học	5		5	
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong	3		3	
11	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật	3		3	
12	Ban đại diện Hội người cao tuổi	3		3	
13	Hội Người mù	4		4	